

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH CỬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8590/QĐ-UBND

Vĩnh Cửu, ngày 03 tháng 10 năm 2022.

### QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Đề án quy hoạch chung xây dựng xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu  
giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030.

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2015 của Quốc hội;

Căn Cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc Hội

Căn Cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn Cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn Cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn Cứ Quyết định số 62/2020 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh kèm theo quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2017 của ủy ban nhân dân tỉnh đồng nai

Căn cứ Văn bản số 4407/UBND-CNN ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận chủ trương lập quy hoạch chung xây dựng trên cơ sở rà soát quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã trên địa bàn tỉnh;

*Căn Cú Quyết định số 6183/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2013 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu;*

*Căn cứ Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 3227/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc phê duyệt điều chỉnh Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030.*

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định QHXD tại Tờ trình số ~~252~~ 252/TTr-KTHT ngày 05/09/2022,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030 với những nội dung chính như sau:

#### **1. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch**

##### **a) Vị trí, phạm vi ranh giới lập quy hoạch:**

- Xã Mã Đà nằm về phía Đông Bắc của huyện Vĩnh Cửu, có vị trí và ranh giới được xác định như sau:

+ Phía Bắc và Đông Bắc: Giáp tỉnh Bình Phước và xã Phú Lý;

+ Phía Đông và Đông Nam: Giáp huyện Định Quán và huyện Trảng Bom.

+ Phía Nam: Giáp thị trấn Vĩnh An.

+ Phía Tây: Giáp xã Hiếu Liêm.

**b) Quy mô lập quy hoạch :** Khoảng 2.925,97ha

**c) Tỷ lệ lập quy hoạch :** 1/10.000.

##### **d) Thời hạn và phân kỳ lập quy hoạch:**

- Giai đoạn ngắn hạn: Đến năm 2025.

- Giai đoạn dài hạn: Đến năm 2030.

#### **2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:**

##### **a) Quan điểm, mục tiêu:**

- Đề xuất định hướng quy hoạch phát triển nông thôn nhằm đạt các tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới ban hành tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 69/2017/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

- Cụ thể hóa quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đồng Nai và Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Cửu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện Vĩnh Cửu.

- Gắn kết chặt chẽ với Chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn và gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch ngành trong đồ án quy hoạch xã nông thôn mới gắn với tái cơ cấu các ngành cấp huyện, cấp vùng và cấp tỉnh.

- Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân nông thôn được nâng cao nhanh và bền vững.

- Nông thôn phát triển theo quy hoạch, có hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và đáp ứng yêu cầu phát triển lâu dài.

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Làm công cụ quản lý phát triển, kiểm soát không gian toàn huyện, tạo cơ hội đầu tư ổn định và bền vững.

- Cụ thể hóa nội dung định hướng và đặc trưng của xã nông thôn mới thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa.

- Là căn cứ để chỉ đạo và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới của địa phương; đánh giá công nhận xã đạt nông thôn mới trong giai đoạn 2016-2020; đánh giá trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền xã trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn; giúp cho cán bộ và nhân dân địa phương hiểu rõ nội dung cụ thể của xây dựng nông thôn mới.

***b) Tính chất, chức năng của xã:***

- Xã Mã Đà được xác định là khu dự trữ sinh quyển của tỉnh Đồng Nai.

- Là trung tâm văn hóa xã hội của huyện Vĩnh Cửu.

- Là khu vực có tiềm năng phát triển du lịch văn hóa – lịch sử, du lịch sinh thái.

**3. Dự báo sơ bộ quy mô dân số, lao động, lựa chọn các chỉ tiêu về kinh tế - kỹ thuật áp dụng:**

***a) Dự báo quy mô dân số:***

- Dân số hiện trạng 2019: Khoảng 9.015 người.

- Giai đoạn đến năm 2025: Khoảng 13.000 – 14.000 người.

- Giai đoạn dài hạn đến năm 2030: Khoảng 14.000 - 15.000 người.

***b) Dự báo quy mô dân số trong độ tuổi lao động:***

- Giai đoạn đến năm 2025: Khoảng 6.000 - 7.000 người.

- Giai đoạn dài hạn đến năm 2030: Khoảng 7.500 – 8.500 người.

***c) Dự báo quy mô đất xây dựng:***

- Giai đoạn đến năm 2025: Khoảng 430 – 440ha.

- Giai đoạn dài hạn đến năm 2030: Khoảng 440 – 3450ha.

***d) Lựa chọn các chỉ tiêu về kinh tế - kỹ thuật áp dụng:***

Căn cứ vào đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới được phê duyệt và quy hoạch ngành liên quan trên cơ sở kế thừa và tiến hành rà soát bổ sung theo quy định:

- + Về cấp nước tiêu chuẩn :  $\geq 100$  lít/người/ngày.
- + Về thoát nước bản tiêu chuẩn :  $\geq 100\%$  lượng nước cấp.
- + Về cấp điện tiêu chuẩn :  $\geq 660$ W/hộ/ngày/đêm.

#### **4. Phân khu chức năng:**

##### **a) Hệ thống trung tâm xã:**

- Xã có 03 khu dân cư trung tâm xã (Điểm dân cư số 1, 2, 3) thuộc ấp 1 và ấp 2, diện tích khoảng 132,4ha.

##### **b) Hệ thống các khu dân cư:**

###### **Khu dân cư mới:**

Định hướng phát triển các điểm dân cư tập trung theo quy hoạch nông thôn mới và mở rộng diện tích để đáp ứng nhu cầu trong tương lai.

###### **Khu dân cư hiện hữu mở rộng:**

- Đến thời điểm hiện nay, các điểm dân cư này đã lấp đầy và có chiều hướng mở rộng dọc theo các trục đường chính của xã. Do vậy, định hướng trong thời gian tới khoanh vùng không chế quản lý xây dựng, kết nối và hợp nhất một số điểm dân cư thành 8 điểm dân cư.

- Các khu dân cư trên được quy định mật độ xây dựng gộp tối đa là 60% và tầng cao tối đa là 05 tầng. Hình thức kiến trúc nhà ở khuyến khích thân thiện với thiên nhiên, sử dụng vật liệu địa phương.

###### **Dân cư rải rác còn lại**

Các hộ dân Hiện hữu sống rải rác theo các trục đường giao thông và bám theo các thửa đất sản xuất hạn chế xây dựng mở rộng. Khuyến khích các hộ này vào các điểm dân cư tập trung để tận dụng hạ tầng một cách tối ưu nhất.

##### **c) Khu sản xuất:**

- Khu sản xuất công nghiệp tuân thủ theo định hướng của quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Giữ nguyên hiện trạng hoặc mở rộng các cơ sở sản xuất TTCN hiện có trên địa bàn, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống hạ tầng đảm bảo hoạt động sản xuất liên tục và bảo vệ môi trường.

##### **d) Các khu vực có khả năng phát triển, hạn chế phát triển:**

Các khu vực có khả năng phát triển: khu trung tâm xã, dọc đường ĐT 767.

Các khu vực hạn chế phát triển: Các khu vực nông nghiệp còn lại theo định hướng không gian toàn xã.

##### **e) Khu vực cấm xây dựng:**

- Khu vực ven các Suối trong phạm vi 15m tính từ mép suối đất nông nghiệp.

- Dọc hành lang cách ly đường điện cao thế, trung thế.

**f) Khu đặc thù:**

– Gồm các khu vực khai thác du lịch lòng hồ Trị An, khu du lịch sinh thái (đảo Ó Đồng Trường, đảo Thỏ,...).

**g) Các công trình đầu mối, kết nối hạ tầng:**

– Các công trình đầu mối kết nối hạ tầng được thực hiện theo các tuyến đường giao thông liên xã, liên huyện...

**5) Định hướng tổ chức không gian xã:**

**a) Vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ:**

**\* Công trình trụ sở, cơ quan:**

**- Trụ sở UBND xã:**

+ Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 1.

+ Quy mô: Đạt chuẩn, diện tích khoảng 9.256 m<sup>2</sup>.

+ Định hướng kiến trúc: Kế thừa theo kiến trúc hiện hữu, đề bộ mặt kiến trúc luôn được khang trang cần được bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa kịp thời nếu có hư hỏng xuống cấp.

**- Trụ sở Công an xã:**

+ Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 1

+ Quy mô: Quy hoạch mới, diện tích khoảng 1.654 m<sup>2</sup>, tầng cao từ 01 đến 02 tầng.

+ Định hướng kiến trúc: Khối công trình chính thiết kế kiến trúc đối xứng, có tính trang nghiêm.

**\* Công trình y tế:**

**- Trạm y tế xã:**

+ Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 1

+ Quy mô: Hiện hữu đạt chuẩn, diện tích khoảng 2.222m<sup>2</sup>.

+ Định hướng kiến trúc: Thấp tầng, từ 1 đến 2 tầng

**\* Công trình giáo dục và đào tạo:**

**- Trường mầm non:**

**+ Trường mầm non Mã Đà:**

Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 1.

Quy mô: Cơ sở vật chất đạt chuẩn, diện tích khoảng 9.776m<sup>2</sup>.

**\* Trường tiểu học:**

**- Trường tiểu học phân hiệu Cây Sung:**

+ Vị trí: Nằm ở ấp 3

+ Quy mô: Cơ sở vật chất chưa đạt chuẩn, diện tích khoảng 3.440m<sup>2</sup>.

**- Trường tiểu học phân hiệu Suối Tượng:**

+ Vị trí: Nằm ở ấp 4

+ Quy mô: Cơ sở vật chất chưa đạt chuẩn, diện tích khoảng 300m<sup>2</sup>.

**- Trường tiểu học C3:**

+ Vị trí: Nằm ở ấp 4

+ Quy mô: Cơ sở vật chất chưa đạt chuẩn, diện tích khoảng 10.021m<sup>2</sup>.

**- Trường tiểu học phân hiệu Bờ Hào:**

+ Vị trí: Nằm ở ấp 5

+ Quy mô: Cơ sở vật chất chưa đạt chuẩn, diện tích khoảng 6.777m<sup>2</sup>.

**\*Trường trung học cơ sở:**

**- Trường trung học cơ sở Mã Đà:**

+ Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 1

+ Quy mô: Quy hoạch mới, diện tích khoảng 15.575m<sup>2</sup>.

**\*Công trình văn hóa, sinh hoạt cộng đồng:**

**- Trung tâm văn hóa xã:**

+ Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 1

+ Quy mô: Đạt chuẩn, phù hợp với quy hoạch, diện tích khoảng 10.466m<sup>2</sup>.

+ Định hướng kiến trúc: Kế thừa theo kiến trúc hiện hữu, để bộ mặt kiến trúc luôn được kang trang cần được bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa kịp thời nếu có hư hỏng xuống cấp.

**- Nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng các ấp:**

+ Vị trí: trên địa bàn 5 ấp.

+ Quy mô: Đạt chuẩn.

+ Định hướng kiến trúc: Kiến trúc cần mang đậm nét văn hóa, sử dụng nhiều hoa văn trang trí, ưu tiên thiết kế mang tính thẩm mỹ cao.

**\* Công trình thương mại dịch vụ, chợ:**

**- Chợ Mã Đà:**

+ Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 2.

+ Quy mô: Đạt chuẩn, diện tích khoảng 8.847m<sup>2</sup>, tầng cao xây dựng 01 tầng.

**- Trạm bưu chính xã:**

+ Vị trí: Nằm trong điểm dân cư số 1.

+ Quy mô: Đạt chuẩn, diện tích khoảng 2.580m<sup>2</sup>, tầng cao xây dựng 01 tầng.

**b) Chỉ tiêu, hình thức kiến trúc cho từng loại đất ở khu dân cư mới và cải tạo thôn, bản cũ:**

**\* Xác định các chỉ tiêu:**

- Mật độ xây dựng trung bình:

+ Công trình công cộng : 30 - 40 %.

+ Nhà ở

• Nhà liên kế : 70 - 90%.

• Nhà vườn : 40 - 60%.

+ Tầng cao trung bình : 01 - 03 tầng.

**\* Định hướng kiến trúc cho từng loại hình ở phù hợp với đặc điểm của địa phương:**

- Nhà ở xây dựng theo hình thức nhà vườn, thấp tầng (từ 1 – 2 tầng), diện tích đất lớn, mật độ xây dựng thấp khoảng 40 - 60%;

- Nhà ở theo hình thức liền kề, tầng cao từ 2 - 3 tầng, mật độ xây dựng tối đa 90%.

- Khu xây dựng mới cần khuyến khích xây dựng nhà ở từ 2 đến 3 tầng, có mái dốc, màu sắc hài hoà với cảnh quan nông thôn. Mật độ xây dựng tối đa 40% (phù hợp với tiêu chí hành lang xanh).

**6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối trong phạm vi xã:**

**a) Giao thông:**

**\* Hệ thống đường Tỉnh, huyện:**

- Đường Tỉnh ĐT.767: Tuyến bắt đầu từ cầu Sông Thao và kết thúc tại đường tỉnh 761, chiều dài tuyến qua địa bàn xã khoảng 4,60 km. Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp III, quy mô 4-6 làn xe, lộ giới 45m.

- Đường Tỉnh ĐT.761: Tuyến bắt đầu từ đường ĐT767 đi xã Phú Lý, chiều dài tuyến qua địa bàn xã khoảng 26,50 km. Quy hoạch tuyến quy mô 02 làn xe, lộ giới 45m

- Đường ven hồ Trị An: Tuyến được quy hoạch mở mới kết hợp nâng cấp từ 1 số đoạn đường hiện trạng, chạy dọc quanh hồ Trị An, chiều dài tuyến qua địa bàn xã khoảng 23,2km. Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp IV, tuyến được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp IV, quy mô 2-4 làn xe, lộ giới 32m.

**\* Hệ thống đường xã:**

- Đường dân sinh Mã Đà – Hiếu Liêm: Tuyến bắt đầu từ đường Nhà máy thủy điện và kết thúc tại đường ĐT761, chiều dài tuyến đi qua địa bàn xã khoảng 5,30 km. Tuyến được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường loại A nông thôn, mặt đường 5m, lề gia cố + mương 2 x 1,50m, hành lang an toàn mỗi bên 4m, lộ giới 16m.

- Đường liên ấp 1-2, đường be Nha Trang, đường vào suối Rộp: Tổng chiều dài các tuyến đường này khoảng 7,7km; quy hoạch theo tiêu chuẩn đường loại A nông thôn, mặt đường 5m, lề gia cố + mương 2 x 1,0m, hành lang an toàn mỗi bên 4m, lộ giới 15m.

- Đường trong khu dân cư (ngõ, hẻm ...): Để đảm bảo lưu thông thuận tiện cũng như việc bố trí hạ tầng kỹ thuật thì các tuyến đường này cần phải bảo đảm một khoảng rộng nhất định, quy định như sau:

+ Đối với các tuyến hẻm có bề rộng  $\geq 8m$ , giữ nguyên hiện trạng.

+ Đối với các tuyến hẻm có bề rộng  $< 8m$  sẽ được quy hoạch mở rộng thành 8m. Các hộ dân dọc 2 bên hẻm khi xây dựng nhà mới phải thụt lùi vô sao cho các đường hẻm có lộ giới 8m. Trong đó bề rộng phần xe chạy là 5m, lề mỗi bên 1,5m dùng để bố trí các đường ống kỹ thuật phục vụ khu dân cư.

- Đường nội đồng trên địa bàn xã: Tất cả các tuyến đường nội đồng trên địa bàn xã được quy hoạch tối thiểu theo tiêu chuẩn đường loại B nông thôn, mặt đường 3,50m, lề gia cố 2 x 0,75m, nền đường tối thiểu 5m.

**\* Công trình cầu:**

- Các công trình cầu trên địa bàn xã được xây mới có kết cấu bê tông cốt thép hoặc bê tông dự ứng lực.

- Tất cả các cầu xây mới trên địa bàn xã Mã Đà được xây dựng với tải trọng tối thiểu 0,5HL93.

**b) Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:**

**\* San nền:**

Xử lý cục bộ theo từng công trình cụ thể tuân thủ địa hình tự nhiên, tránh tình trạng ngập úng cục bộ. Cao độ xây dựng không chế tối thiểu cho từng công trình phụ thuộc vào từng vị trí nhưng phải đảm bảo không ngập úng, hài hoà với các công trình hiện có và không làm ảnh hưởng tới các công trình hiện có lân cận.

**\* Thoát nước mưa:**

**- Thoát nước trong các khu dân cư:**

+ Một số tuyến mương thoát nước hiện hữu tại khu dân cư trung tâm được giữ lại, cải tạo nâng cấp một số đoạn cho phù hợp với lộ giới quy hoạch.

+ Xây dựng hệ thống mương xây đá hộc, thoát nước dọc theo các tuyến đường, thu nước mưa từ các công trình và mặt đường, các hệ thống thoát nước phải có nắp đan an toàn. Đảm bảo thoát nước tốt, không gây ngập úng trên các tuyến đường.

+ Cùng với việc nâng cấp mạng lưới đường, cần xây dựng đồng bộ mạng lưới thoát nước mặt cho toàn bộ các điểm dân cư nông thôn. Dọc theo các tuyến đường cần có các mương, rãnh thoát nước để thu nước trên mặt đường khi trời mưa, đảm bảo thoát nước thuận tiện và nhanh chóng. Hệ thống mương khi đi qua khu dân cư phải có nắp đan để đảm bảo an toàn.

+ Đối với khu vực đồng ruộng, hệ thống mương thủy lợi dẫn nước tưới vào ruộng đồng thời cũng là mương thoát khi đồng ruộng bị ngập úng phải tiến hành nạo vét, cải tạo, kiên cố hóa. Nâng cấp, cải tạo hệ thống phải đập đảm bảo thoát nước tốt.

**\* Thoát nước bên ngoài khu dân cư:**

Bên ngoài khu dân cư nước mưa tự thấm và thoát theo địa hình tự nhiên ra hồ Trị An và hồ phụ nhỏ trong khu vực.

**c) Hệ thống cấp nước:**

**\* Tiêu chuẩn cấp nước:**

- Tiêu chuẩn cấp nước cho các điểm dân cư nông thôn:  $\geq 100$  lít/người-ngđ.

- Lưu lượng nước sử dụng của các điểm dân cư bao gồm: nước sinh hoạt, nước công cộng – dịch vụ (10% sinh hoạt), nước dự phòng – rò rỉ (15% sinh hoạt và dịch vụ).

- Tổng nhu cầu dùng nước: khoảng 1.700 m<sup>3</sup>/ngày.



**\* Nguồn cấp nước:**

Hiện nay trong khu vực xã đã có trạm cấp nước sạch, nguồn khai thác từ nước mặt sông Đồng Nai, công suất trạm 300m<sup>3</sup>/ngày cấp nước cho hai ấp 1 và 2, các điểm dân cư còn lại hiện đang sử dụng nước ngầm tự khai thác từ giếng đào, giếng khoan qui mô hộ gia đình.

**\* Giải pháp cấp nước:**

- Cấp nước sinh hoạt:

+ Cải tạo trạm cấp nước hiện hữu, nâng công suất trạm từ 300m<sup>3</sup>/ngày lên 1.000 m<sup>3</sup>/ngày cấp nước cho các điểm dân cư 1, 2, 3, 4, 5.

+ Xây dựng mới trạm cấp nước công suất 700m<sup>3</sup>/ngày . Nguồn lấy từ nước mặt hồ Trị An cấp nước cho các điểm dân cư 6, 7, 8, 9. Địa điểm xây dựng dự kiến đặt tại điểm dân cư số 7.

+ Xây dựng mới tuyến ống D150 dọc đường ĐT 767 và ĐT 761 cấp nước cho các điểm dân cư 1, 2, 3, 4, 5. Một tuyến D150 dọc đường ven hồ Trị An cấp nước cho các điểm dân cư 6, 7, 8, 9.

+ Xây dựng hoàn thiện mạng lưới ống nhánh đảm bảo cung cấp nước đủ nước sinh hoạt cho tất các hộ dân trên địa bàn.

- Cấp nước sản xuất nông nghiệp:

+ Tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương của sở nông nghiệp và phát triển nông thôn.

+ Đầu tư nâng cấp xây dựng mới các công trình thủy lợi trên địa bàn xã nhằm đảm bảo nguồn nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

**d) Hệ thống cấp điện:**

- Tổng nhu cầu dùng điện của toàn xã đến 2030 là 3.310KVA.

- Giải pháp cấp nguồn: Tuyến trung thế hiện hữu cấp điện cho các trạm biến áp còn tốt nên không cần thiết nâng cấp.

- Giải pháp xây dựng trạm biến áp: Các trạm biến áp hiện hữu giữ nguyên, xây dựng mới các trạm biến áp sinh hoạt đến 2030 cho các điểm dân cư.

- Giải pháp xây dựng lưới hạ thế: Lưới hạ thế sau trạm biến áp được xây dựng dọc theo các trục đường giao thông theo quy hoạch.

**e) Thông tin liên lạc:**

Kết nối hệ thống tuyến cáp quang từ Bưu Điện trung tâm xã và kết nối tới từng điểm dân cư.

**f) Thoát nước thải, vệ sinh môi trường và nghĩa trang:**

**\* Thoát nước thải:**

Thoát nước thải cho các khu dân cư:

- Đối với các điểm dân cư nông thôn tập trung: xây dựng hệ thống thoát nước chung. Xử lý nước thải bằng hồ sinh học tự nhiên.

- Đối với các cụm dân cư sống phân tán: vận động nhân dân xây dựng nhà vệ sinh hình thức tự thấm hợp vệ sinh. Khuyến khích các hộ gia đình áp dụng giải

pháp thoát nước thải có xử lý tự thấm (quy mô hộ gia đình).

- Thường xuyên nạo vét các trục tiêu chính, các sông, suối chảy qua các khu dân cư để thoát nước được dễ dàng.

**\* Giải pháp xử lý chất thải rắn:**

Tổng lượng rác thải thu gom khoảng 6 tấn/ngày. Rác được thu gom tập trung về trạm trung chuyển rác có diện tích 0,33 ha trên địa bàn xã. Sau đó được đơn vị có chức năng đưa về Khu xử lý chất thải tập trung của huyện để xử lý theo quy định.

**\* Nghĩa trang:**

- Các nghĩa trang hiện hữu cần cải tạo đường đi và hệ thống thoát nước mặt xung quanh nghĩa trang. Trồng cây xanh và có rào cây ngăn bao quanh khu vực nghĩa trang.

- Khống chế quy mô, cải tạo phục vụ nhu cầu táng mới. Tiến tới đóng cửa khi hết diện tích.

**7. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn:**

| Stt      | Các công trình, dự án            | Quy mô | Vốn (tỷ)     | GD thực hiện |          |
|----------|----------------------------------|--------|--------------|--------------|----------|
|          |                                  |        |              | Đến 2025     | Đến 2030 |
| <b>1</b> | <b>Giao thông</b>                | km     | <b>78,30</b> |              |          |
| +        | Đường Tỉnh ĐT761                 | 26.473 | -            | X            |          |
| +        | Đường Tỉnh ĐT767                 | 4.647  | -            | X            |          |
| +        | Đường ven hồ Trị An              | 23.186 | -            | X            |          |
| +        | Đường dân sinh Mã Đà - Hiếu Liêm | 5.337  | 32,02        | X            |          |
| +        | Đường liên ấp 1-2                | 3.081  | 18,49        | X            |          |
| +        | Đường be Nha Trang               | 2.830  | 16,98        | X            |          |
| +        | Đường vào suối Rộp               | 1.802  | 10,81        | X            |          |
| <b>2</b> | <b>Cấp điện</b>                  |        | <b>6,62</b>  |              | X        |
| +        | TBA                              | 1.290  | 2,58         | X            |          |
| +        | TBA                              | 2.020  | 4,04         |              | X        |
|          | <b>TỔNG CỘNG</b>                 |        | <b>84,92</b> |              |          |

**8. Quy định quản lý:**

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định trong Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt và hồ sơ quy hoạch này.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, Chủ tịch UBND xã Mã Đà, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Công bố công khai cho nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch, cùng nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt.

2. Căn cứ nội dung quy hoạch được duyệt, UBND xã triển khai thực hiện:

- Lập danh mục, xác định các dự án ưu tiên đầu tư, tổ chức thực hiện.
- Lập kế hoạch kêu gọi đầu tư theo phân đợt đầu tư xây dựng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND huyện, Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nội vụ, Tư Pháp, Văn hóa và Thông tin, Y tế, Giáo dục, Lao động Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thanh tra huyện, Ban Chỉ huy Quân sự huyện, Chủ tịch UBND xã Mã Đà, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *ll*

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- UBND tỉnh;
- Các sở ngành có liên quan;
- Lưu: VT. Cường  
(Nghĩa KTHT)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Cao Tài**